

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 26/2019/DS-ST

Ngày: 20-11-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Công Đạt ;

2. Ông Y Mung Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Tinh – Kiểm sát viên.

Ngày 20/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-DS ngày 05/6/2019 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-DS ngày 08/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-DS ngày 30/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Tr; sinh năm 1934.

Địa chỉ: Đ 2, xã Đ H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Văn B; sinh năm 1968 (Văn bản ủy quyền lập ngày 12/11/2019).

Địa chỉ: Đ 2, xã Đ H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

2. *Bị đơn:*

Ông Nguyễn Hùng T; sinh năm 1970.

Bà Phạm Thị H; sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; (bà H có mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 05/3/2019, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn B trình bày:

Vào ngày 15/01/2007, bà Trần Thị Tr có cho ông Nguyễn Hùng T là con rể và bà Phạm Thị H là con gái của bà Tr vay số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) để làm ăn, khi vay ông T viết và ký giấy vay tiền. Theo thỏa thuận, hai năm đầu không tính lãi suất. Sau hai năm kể từ ngày vay tiền vợ chồng ông T, bà H phải trả lãi cho bà Tr mỗi năm 30.000.000 đồng, còn đối với khoản nợ gốc thì hai bên thỏa thuận khi nào bà Tr yêu cầu trả thì vợ chồng ông T, bà H phải trả đầy đủ cho bà Tr. Tuy nhiên kể từ ngày vay tiền cho đến nay, ông T, bà H vẫn chưa trả cho bà Tr bất cứ khoản tiền nào, mặc dù bà Tr đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà H phải trả khoản nợ cho bà Tr. Vì vậy, bà Trần Thị Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hùng T, bà Phạm Thị H phải trả cho bà Trần Thị Tr số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Vào ngày 15/01/2007, tôi và chồng tôi là ông Nguyễn Hùng T có vay của mẹ đẻ tôi là bà Trần Thị Tr số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) để làm ăn, khi vay hai bên có lập giấy vay tiền viết tay. Theo đó, 02 năm đầu bà Tr cho vợ chồng (tức ông T, bà H) vay không lãi suất. Sau hai năm kể từ ngày vay tiền là đến ngày 15/01/2009 vợ chồng tôi phải trả lãi cho bà Tr mỗi năm là 30.000.000 đồng, còn đối với khoản nợ gốc thì hai bên thỏa thuận khi nào bà Tr yêu cầu trả thì vợ chồng tôi phải trả đầy đủ cho bà Tr. Tuy nhiên kể từ ngày vay tiền cho đến nay, do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn cho nên vợ chồng tôi vẫn chưa trả cho bà Tr bất cứ khoản tiền nào, mặc dù bà Tr đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng tôi trả khoản nợ 200.000.000 đồng. Nay bà Tr làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thì tôi đồng ý sẽ cùng với chồng tôi là ông Nguyễn Hùng T trả nợ khoản trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2019 ông Nguyễn Hùng T trình bày: ông thừa nhận ông và vợ là bà Phạm Thị H có nợ của mẹ vợ ông bà Trần Thị Tr số tiền 200.000.000 đồng, nhưng do điều kiện khó khăn nên chưa trả nợ được, hơn nữa vợ ông bà Phạm Thị H bỏ nhà đi thường xuyên nên ông không gặp được bà H để bàn bạc, thống nhất việc trả khoản nợ cho bà Tr, nay bà Tr khởi kiện vợ chồng ông với số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng ông đồng ý, nhưng do điều kiện khó khăn nên ông nên hiện nay chưa có tiền để trả cho bà Tr.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Hùng T vắng mặt, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Phạm Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS đối với phiên tòa

sơ thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71; bị đơn ông T đã không thực hiện đúng quy định của Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tr, buộc bị đơn ông Nguyễn Hùng T và bà Phạm Thị H phải trả cho bà Tr số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng. Về án phí: Buộc bị đơn ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hùng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hùng T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tr về việc yêu cầu ông Nguyễn Hùng T, bà Phạm Thị H phải trả số tiền 200.000.000 đồng nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 15/01/2007, ông Nguyễn Hùng T, bà Phạm Thị H có vay của bà Trần Thị Tr số tiền 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) là có thật, được thể hiện tại giấy viết tay do ông Nguyễn Hùng T viết và ký tên và được các bên thừa nhận. Theo đó, ông T, bà H vay của bà Tr số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất tính sau hai năm, mỗi năm là 30.000.000 đồng; nhưng từ đó đến nay ông T, bà H chưa trả cho bà Tr được khoản nợ gốc và lãi nào. Như vậy, bà Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hùng T, bà Phạm Thị H phải trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Về khoản nợ lãi, mặc dù trong giấy vay tiền có thỏa thuận về lãi suất, nhưng nguyên đơn bà Trần Thị Tr không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tr được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Nguyễn Hùng T, bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tr.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hùng T và bà Phạm Thị H phải trả cho bà Trần Thị Tr số tiền 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

2. Về án phí:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hùng T và bà Phạm Thị H phải chịu 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hoa Lý

